

GÓC NHÌN VỀ ĐỐI THOẠI TÔN GIÁO QUA TÁC PHẨM HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO

Tóm tắt: Tiếp thu tinh thần đổi mới của Công đồng Vatican II, vấn đề đối thoại, hòa giải được Công giáo ở miền Nam Việt Nam nhắc đến khá nhiều từ sau năm 1965, với trọng tâm là tôn trọng các niềm tin khác và đồng hành với dân tộc. Tuy nhiên, xét theo chiều kích lịch sử, đã có những thời điểm Công giáo Roma nói chung, Công giáo Việt Nam nói riêng có những động thái “đối thoại” theo những chiều kích khác nhau, trong đó có đối thoại theo trên tinh thần hộ giáo. Và ở chiều ngược lại, Công giáo cũng đón nhận sự công kích từ các thành phần xã hội bản địa Việt Nam. Cuốn sách Hội đồng tứ giáo đại diện cho khuynh hướng nói trên, đồng thời, cũng là tác phẩm thể hiện sự khởi đầu của hiện tượng tranh biện và đối thoại tôn giáo mang tính lịch sử tại Việt Nam, không tuân theo quy chuẩn cũng như cách hiểu phổ biến hiện nay trong Giáo hội Công giáo.

Từ khóa: Đối thoại tôn giáo, đối thoại Công giáo, Hội đồng tứ giáo

Mở đầu

Công giáo là một tôn giáo ngoại nhập được truyền vào Việt Nam tương đối muộn nếu so với một số tôn giáo khác (như Phật giáo, Đạo giáo,...), và trong giai đoạn đầu khi được truyền bá vào Việt Nam, Công giáo cũng mang theo nguyên mẫu “mô hình Trung cổ” của Công giáo Châu Âu, tức mang tính bảo thủ, ít khoan dung với các tôn giáo tín ngưỡng bản địa. Do đó, có thể xuất hiện hai trạng huống: Một là, Công giáo muốn lấy được địa vị độc tôn của mình tại vùng đất mới (Việt Nam) sẽ phải tìm cách chèn ép, đánh bại các tôn giáo tín ngưỡng bản địa, mà Công giáo đã làm ở những vùng đất như châu Mỹ, châu

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 27/9/2024; Ngày biên tập: 28/9/2024; Duyệt đăng: 20/10/2024.

Úc...; Hai là, các tôn giáo tín ngưỡng “bản địa” tìm cách cô lập và đẩy lùi Công giáo ra khỏi môi trường văn hóa vốn có của mình. Nhiều quốc gia có nền văn hóa và tôn giáo phát triển thường có những biểu hiện này.

Trong quá khứ đã có những bài viết về chủ đề đối thoại tôn giáo. Gần đây, khái niệm và diễn trình đối thoại tôn giáo của Công giáo được bàn đến trong: tập tài liệu *Đối thoại* của Ủy ban Giáo lý đức tin (2019); trong nhiều bài viết được đăng tải trên *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, như: “Hai khuynh hướng của Giáo triều Roma trong vấn đề đối thoại liên tôn” của Tissa Balasuriya (số 4, 2001); “Đối thoại và Hoà giải” (số 07, 2009); “Kitô giáo và đối thoại văn hoá” (số 01, 2010); “Giáo hội như dấu chỉ và khí cụ hiệp thông - Đối thoại: nhịp cầu nối kết các tôn giáo” (số 11-12, 2010); trong tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, như: “Con đường đối thoại của Vatincan qua 4 năm dưới triều Giáo hoàng Benedicto XVI” của Phạm Huy Thông (số 07- 08, 2009); “Đối thoại liên tôn giáo từ Công đồng Vatican II” của Ngô Quốc Đông (số 11, 2013);...

Đặc biệt, cuốn *Hội đồng tứ giáo*, cũng có nhiều tác giả trong và ngoài giới Công giáo nghiên cứu. Tác giả Võ Phương Lan có bài “Về cuốn sách chữ Nôm Hội Đồng Tứ Giáo” (*Thông báo Hán Nôm học* năm 2002); tác giả Trần Quốc Anh có bài “Từ *Phép giảng Tám ngày* đến *Hội đồng tứ giáo* (Các tác phẩm hộ giáo trong văn chương Công giáo Việt Nam thế kỷ XVII-XIX)”, *Nghiên cứu Văn học*, Số 7 (581) năm 2020. Tại nước ngoài, Yuqing Du có bài “Reconfiguring Inculturations: Hội Đồng Tứ Giáo and Interfaith Dialogues in Eighteenth-Century Vietnam” (*Journal of Vietnamese Studies*, 2022) đã bàn về cuốn sách ở chiều kích đối thoại liên tôn giáo.

Nhìn chung, vấn đề đối thoại tôn giáo trước thập kỷ 60 của thế kỷ XX trên thế giới và ở Việt Nam ít được nhắc tới, và có lẽ được diễn giải bằng những thuật ngữ khác. Bài viết sử dụng cách tiếp cận liên ngành, bao gồm Sử học, Văn bản học, phương pháp nghiên cứu so sánh... về tác phẩm *Hội đồng tứ giáo* để nhìn nhận và đánh giá các mối liên hệ, các vấn đề đối thoại tôn giáo của Công giáo Việt Nam. Bài viết cũng phân tích nội dung và bối cảnh ra đời của cuốn sách *Hội đồng tứ giáo*, đối chiếu với một số khái niệm và diễn trình định hình khái niệm đối thoại liên tôn của Công giáo để xem xét liệu có tồn tại các chiều kích đối thoại tôn giáo của Công giáo tại Việt Nam trước Công đồng Vatican II.

1. Về khái niệm và tiến trình nhận thức vấn đề đối thoại tôn giáo của Giáo hội Công giáo Roma

Theo Ủy ban Giáo lý đức tin của Giáo hội Công giáo Việt Nam, khái niệm “đối thoại” được hiểu là “một hình thái đặc biệt của sự trao đổi. Nó bao hàm chiều kích tương quan giống như tâm sự nhưng nghiêng nhiều hơn về lý trí. Đối thoại là cuộc trao đổi lời nói giữa hai hay nhiều người, hoặc nhóm người, vì một mục đích nào đó. Mục đích đó có thể là một sự thật hay một vấn đề các bên cùng quan tâm, mà cũng có thể là chính mối tương quan mà các bên muốn duy trì và phát huy” [Ủy ban Giáo lý đức tin, 2019: 49]. Tuy nhiên, về bản chất, “có không ít cuộc đối thoại thực chất chỉ là độc thoại, độc thoại luân phiên, hay một phiên bản kém chất lượng của việc thực thi quyền bính” [Ủy ban Giáo lý đức tin, 2019: 50].

Trong lịch sử, dường như “Giáo hội đã đối thoại, qua các giáo phụ và những con cái tâm linh của mình, với các trào lưu văn hóa Hy Lạp, Khắc kỷ, Rôma,... Nhưng rồi đến một ngày khi con người thoát ra khỏi tình trạng xưa cổ để bước vào tình trạng tân tiến, con người lại bắt đầu đề cao cá nhân chủ nghĩa. Tuy nhiên, ngay trong lòng Giáo hội, đối thoại cũng bị giới hạn bởi những chính sách kiểm duyệt gắt gao nhằm hạn chế tối đa các sai lạc. Giáo hội chọn thái độ tự vệ như là con đường an toàn nhất cho mình, sợ hãi những gì là tân tiến mà những văn kiện như *Syllabus of Errors* (8/12/1864), *Pascendi Dominici Gregis* (8/9/1907) phần nào cho thấy như thế” [Ủy ban Giáo lý đức tin, 2019: 73-74]. Do đó, “ta có thể thấy lược đồ về Giáo hội của ủy ban tín lý bị phê phán là cuộc độc thoại, giáo điều. Bỏ quên màu nhiệm Giáo hội bắt nguồn từ cuộc đối thoại mà Thiên Chúa khởi xướng với con người. Bản văn đó phản ánh phẩm trật học, theo từ ngữ của Congar, hơn là một Giáo hội học đối thoại giữa ad extra và ad intra¹. Theo nhãn quan này, lối nhìn về truyền giáo mang nhiều màu sắc Kitô giáo cao hơn các văn hóa khác. Không thể có đối thoại nào giữa những dân tộc truyền giáo với Kitô giáo. Chính vì thế, truyền giáo mang tính cải đạo, chiêu mộ tín đồ. Thế giới của dân ngoại chẳng thêm gì cho thực tại Giáo hội cả. Nó chỉ hoàn toàn là người thụ hưởng, là đối tượng để Giáo hội biến đổi thành thuần thực trước Tin Mừng” [Ủy ban Giáo lý đức tin, 2019: 74-75].

Từ Công đồng Vatican II, Giáo hội Công giáo đưa ra một số văn kiện quan trọng, thể hiện những thay đổi quan trọng trong cách tiếp cận vấn đề đối thoại tôn giáo: Thông điệp *Ecclesiam Suam*², Hiến chế

Gaudium et Spes (Niềm vui và Hy vọng)³, Tuyên ngôn *Nostra Aetate* (Thời đại của chúng ta)⁴, Tuyên ngôn *Dignitatis Humanae* (Phẩm giá con người)⁵, Hiến chế *Dei Verbum* (Lời của Thiên Chúa)⁶, Tông huấn *Evangelii Nuntiandi* (Loan Báo Tin Mừng)⁷...

Nhìn chung, “về mặt “thần học đối thoại”, việc thống nhất quy vấn đề cứu rỗi vào khuôn khổ giới hạn của thần học là một bước tiến dài của lập trường đối thoại so với truyền thống có hữu trước đó là quy cứu rỗi vào Giáo hội. Cũng từ đây, khi phải đối diện với tình trạng đa tôn giáo, đa văn hóa, Giáo hội Công giáo đã đi từ chỗ đặt vấn đề các tôn giáo có được cứu rỗi hay không, chuyển sang tìm hiểu về cách họ được cứu rỗi trong tương quan với Chúa Giêsu Kitô. Nhưng cũng có những xu hướng thần học về các tôn giáo khác đã đi quá xa, ảnh hưởng đến các tín lý của Hội Thánh, mà ít nhiều giáo quyền đã phải thổi còi can thiệp” [Ngô Quốc Đông, 2013: 60]. Trong giáo huấn chính thức của mình, Giáo hội dành một phần lớn để nói về đối thoại liên tôn. Một mặt, trung thành với đức tin của Giáo hội, nhưng mặt khác, lại tôn trọng sâu xa “người khác” [Ủy ban Giáo lý đức tin, 2019: 162]. Theo Ngô Quốc Đông, “quan điểm của Giáo hội Công giáo trước Công đồng Vatican II đã tự coi mình là chân lý duy nhất. Trong bối cảnh đó, “thần học đối thoại” mang nặng tính hộ giáo. Xưa kia, người ta có bàn đến các tôn giáo, nhưng chỉ trong phạm vi và tinh thần hộ giáo” [Ngô Quốc Đông, 2013: 65].

Thần học về đối thoại tôn giáo, gọi đầy đủ là thần học của Công giáo về các tôn giáo, thường nói tắt là thần học về các tôn giáo, mới xuất hiện từ thế kỷ XX, đặc biệt, sau Công đồng Vatican II, khi phong trào đối thoại liên tôn giáo có những biến chuyển mạnh mẽ. Thần học về các tôn giáo sau Công đồng Vatican II được đặt ra trong bối cảnh của sự đa dạng tôn giáo, tập trung nghiên cứu về con đường và cách thức cứu rỗi của các tôn giáo. Về mặt bản chất, đối thoại tôn giáo để các bên tìm được tiếng nói chung, để hòa giải, nhưng cũng có khi các bên lại biến việc này thành những cuộc tranh đấu, hoặc để biện giáo, minh giáo. Và cũng có cả đối thoại triết học, đối thoại với chính mình, và đối thoại để giải bày với những người bên cạnh...

Lịch sử đối thoại tôn giáo của Công giáo đã trải qua ba hình thức đối thoại: thứ nhất, *đối thoại hộ giáo hay bài giáo*. Hình thức đối thoại xuất hiện từ thời các giáo dục cho đến trước Công giáo trước Công đồng Vatican II nhằm khẳng định tính ưu việt tuyệt đối của đức tin Kitô giáo, mọi đức tin tôn giáo khác đều bị coi là “tà giáo”, “dị giáo”, là “mê tín, dị đoan”. Thứ hai, *Đối thoại truyền giáo*, xuất hiện trong lịch sử Kitô

giáo, nhất là từ khi Kitô giáo truyền ra vùng đất ngoại, ngoài châu Âu. Đây là loại đối thoại mang tính một chiều, áp đặt đức tin Kitô giáo cho các dân ngoại cần được “khai hoá”. Thứ ba, *Đối thoại hội nhập*, trên tinh thần thừa nhận, tôn trọng giá trị “cứu rỗi” của các tôn giáo khác ngoài Công giáo. Hình thức đối thoại này xuất hiện từ sau Công đồng Vatican II và đang được giáo hội khuyến khích trong một thế giới đa dạng tôn giáo. Bài viết này xem xét hình thức đối thoại thứ nhất, đối thoại hộ giáo và bài giáo qua tác phẩm *Hội đồng tứ giáo*. Từ đó, có thể rút ra những bài học cần thiết, tránh những xung đột về đức tin với một náo trạng bất khoan dung trong thời đại đối thoại, khoan dung trên lĩnh vực tôn giáo.

Đối với Công giáo Việt Nam, quá trình trên đường như cũng xuất hiện khá đầy đủ, tức là ngay từ khi Công giáo được truyền vào Việt Nam, vẫn có những cuộc “đối thoại” tôn giáo trong dân gian giữa Công giáo với các tôn giáo khác tại Việt Nam, theo các hình thức: 1. Bài bác nhau; 2. truyền giáo; 3. Đại kết - hòa giải - hài hòa tôn giáo mà ở đây chúng tôi tìm hiểu cuốn sách *Hội đồng tứ giáo* để phân nào chứng minh cho điều này.

2. Về đối thoại tôn giáo qua *Hội đồng tứ giáo*

2.1. Giới thiệu tác phẩm *Hội đồng tứ giáo*

Bối cảnh lịch sử: Cho đến giữa thế kỷ XIX, sau hơn 200 năm truyền giáo mặc dù gặp nhiều khó khăn, thử thách, song Công giáo đã phát triển mạnh mẽ, trở thành một lực lượng xã hội không nhỏ ở Việt Nam. Tuy nhiên, cũng từ đây, do những khác biệt về tín lý của một tôn giáo độc thần với tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống và với một náo trạng truyền giáo bất khoan dung, Công giáo đã vấp phải sự phản ứng của xã hội, đụng độ, xung đột với tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống, nhất là Nho giáo với tư cách nền tảng tư tưởng của vương triều nhà Nguyễn. Đổi lại, Công giáo cũng có những phản ứng, một số nhà thần học Công giáo đã nêu lên chính kiến của mình, khẳng định tính ưu việt, vượt trội của đức tin Kitô giáo so với các tôn giáo truyền thống như Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo vốn bị họ coi là “mê tín, dị đoan”. *Bối cảnh lịch sử* nêu trên được phản ánh một cách sinh động qua tác phẩm *Hội đồng tứ giáo* - những điển hình về thời kỳ đối thoại tôn giáo mang tính hộ giáo và bài giáo.

Hội đồng tứ giáo: Đây là tác phẩm khuyết danh, nhưng được biết đến khá nhiều và thường được coi là bản tường trình về cuộc tranh luận giữa các đại diện của Tam giáo (Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo) với đại diện Công giáo diễn ra vào năm 1773 tại triều đình chúa Trịnh

Sâm. Trong cuộc tranh luận này đại diện Công giáo đã giải thích về nhân sinh quan, thế giới quan và bảo vệ Công giáo trước những chất vấn của một số tôn giáo khác. Sách *Hội đồng tứ giáo* còn có các phiên bản với tên khác là *Hội đồng tứ giáo danh sư*, hai chữ “danh sư” có lẽ nhằm nâng cao hơn chất lượng các cá nhân tham gia cuộc tranh biện tôn giáo.

Hiện nay, nhiều phiên bản *Hội đồng tứ giáo* còn lưu giữ⁸, được in cả bằng chữ Nôm, Quốc ngữ, bản dịch sang Hán văn⁹. Mỗi phiên bản có thể có ít nhiều khác biệt, chẳng hạn như bản chữ Nôm *Hội đồng tứ giáo* in năm 1867 và bản chữ Quốc ngữ có một đoạn giới thiệu về bối cảnh của cuộc tranh biện giữa bốn tôn giáo, trong khi bản *Hội đồng tứ giáo danh sư* in năm 1911 chỉ có một bài tựa khá ngắn. Trong bài viết này, chúng tôi tham khảo cuốn sách: *Hội đồng tứ giáo* ký hiệu AB 305, lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Sách in mộc bản, khổ 25cm x 14cm. Dòng chữ *Thiên Chúa giáng sinh nhất thiên bát bách lục thập thất* in trong sách cho biết sách được in năm 1867, do *Chủ giáo Nhược Sắt Chiêu sở san truyền từ*¹⁰. Sách gồm 75 trang. Các trang đều chia thành chín hàng dọc, mỗi dòng khắc được 30 chữ, chữ khắc đẹp, rõ ràng, có thể đọc được toàn bộ.

Bối cảnh dẫn đến cuộc tranh luận được tường thuật lại trong sách *Hội đồng tứ giáo* như sau: Đời chúa Tĩnh Đô vương (Trịnh Sâm 1767-1782) hai thầy cả (linh mục), một thầy phương Tây, một thầy người Việt bị bắt. Khi ấy có một viên quan lớn là chủ của chúa Tĩnh Đô vương cho mời hai giáo sĩ đó cùng đại diện của tam giáo đến trình bày thuyết trình, tranh biện về cái lý của tôn giáo mình trước mặt ông. Tam giáo gồm đại diện cho Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo. Các giáo sĩ chủ động đề nghị tranh luận xoay quanh ba vấn đề là: 1- Nguồn gốc con người? (*Nhân chi bản nguyên sinh tự hà lai?*); 2- Con người hiện sống trên thế gian phải như thế nào? (*Nhân chi hiện tại tại thế hà như?*); 3- Cuối cùng khi chết con người đi về đâu? (*Nhân chi cứu cánh tử vãng hà sở?*). Mỗi câu hỏi được trình bày trong một buổi, mỗi buổi các đại diện Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo, Công giáo lần lượt trình bày quan điểm của đạo mình về ba nội dung trên. Dù kể về câu chuyện xảy ra vào thời chúa Trịnh Sâm, nhưng theo tác giả Trần Quốc Anh, tất cả các văn bản *Hội đồng tứ giáo* còn được biết đến đều xuất hiện từ năm 1864 trở về sau (ít nhất có chín bản đã chú thích), tức là cũng phù hợp với thời kỳ giám mục Joseph Simon Theurel Chiêu quản lý Công giáo địa phận Tây Đàng Ngoài. Giám mục Joseph Simon Theurel (Giám mục Chiêu) (1829-1868) được bổ nhiệm làm Giám mục của Tây Đàng Ngoài

(Vicariat Apostolique du Tonkin Occidental), một giáo phận thuộc khu vực miền Bắc Việt Nam vào thời kỳ này, bao gồm các tỉnh phía Tây Bắc của vùng Đồng bằng sông Hồng và một phần khu vực miền núi. Đây là thời kỳ triều đình nhà Nguyễn tiến thực thi chính sách cấm đạo đối với Công giáo bằng các chỉ dụ được ban hành. Điều này cho thấy, có thể cuốn sách *Hội đồng tứ giáo* được chính vị giám mục này soạn hoặc cho người soạn, nhằm “mục đích giúp cho người mới theo đạo được bền chí giữ đạo trong tình trạng khó khăn của thiểu số, hiểu rõ giáo lý, biết nó khác đạo mình theo khi trước mình theo như thế nào, biết cách trả lời khi có người hỏi” [Võ Phương Lan, 2003: 282-288].

2.2. Các chiều kích đối thoại tôn giáo trong *Hội đồng tứ giáo*

Hội đồng tứ giáo với nội dung xoay quanh việc tường thuật cuộc tranh luận kéo dài ba ngày, với ba chủ đề riêng cho từng ngày, lần lượt là: Vũ trụ và con người từ đâu mà có?¹¹; Con người nên làm gì trong cuộc sống này?; Con người đi đâu sau khi chết?, vị linh mục đã chứng minh sự yếu kém của các quan điểm khác và bảo vệ chính mình khỏi sự phản đối của các đối thủ, đặc biệt là những phản biện của nho sĩ. Ở đây có một sự chủ động của linh mục Công giáo khi gần như họ làm chủ hoàn toàn cuộc đối thoại lần lượt trả lời các chất vấn của từng đại diện để chỉ ra mặt hạn chế của họ, cũng như nêu ra cái hay cái đẹp, sự đúng đắn của Công giáo. Các tiêu chí chính để đánh giá tính hợp lệ của một quan điểm cụ thể là tính hợp lý và tính nhất quán, điều này đối với Công giáo là một lợi thế lớn.

Chẳng hạn, với chủ đề trong ngày thứ nhất “nhân chi bản nguyên sinh tự hà lai”, các quan điểm lần lượt được trình bày: Nho sĩ cho rằng mọi sự có xuất phát từ thái cực (gồm âm và dương) kết hợp với nhau mà sinh ra ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ). Thầy pháp sư thì nói rằng, cội nguồn mọi vật được xuất phát từ Đạo: *Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật. Hư vô tự nhiên chi đại đạo*. Thầy hòa thượng lại nói rằng: *khởi đầu trước hết có một hạt sương là hư vô, là Phật tính, mà hạt sương ấy tự nhiên chia ra làm ba phần: một phần xanh làm trời, một phần vàng làm đất, một phần trắng làm người. Ba phần ấy lại hợp lại làm một quả trứng lớn, cái trứng ấy lại hóa làm bốn tám, một tám làm trời, một tám làm đất, một tám làm cha, một tám làm mẹ...* Còn giáo sĩ lại nói: *Ban đầu không có trời đất, không có thần, người, chỉ có Thiên Chúa. Thiên Chúa đã dựng nên mọi sự trong sáu ngày, loài người được dựng nên trong ngày thứ sáu, gồm một nam (A-dong) và một nữ (E-va) là tổ tông con người. Rồi*

ông trích dẫn các sách kinh điển Nho giáo để chứng minh rằng các tôn giáo khác cũng đã xác nhận điều này.

Với chủ đề trong ngày thứ hai “nhân chi hiện tại, tại thế hà như”, nho sĩ cho biết Không Tử có truyền tám điều làm quy chuẩn để dạy người ta: 1. *cách vật*; 2. *trí chi*; 3. *thành ý*; 4. *chính tâm*; 5. *tu thân*; 6. *tề gia*; 7. *trị quốc*; 8. *bình thiên hạ*; đồng thời, dạy phải thờ *thượng đế, thần, lục tông*; dạy người ta ngũ đức là *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*, dạy đạo ngũ luân là *quân, thân, phụ tử, phu phụ, huynh đệ, bằng hữu*. Giáo sĩ đã phản biện lại nho sĩ về thượng đế, thần, lục tông và nguyên nhân vì sao phải thờ những vị đó, cùng với những câu hỏi về ngũ đức. Nhìn chung, đây là màn đối đáp chiếm dung lượng nhiều nhất trong ngày thứ hai, các giáo sĩ tỏ ra am hiểu Nho giáo khi tập trung phản biện lại nền tảng kinh điển của Nho gia, cuối cùng, khuyên đối phương không nên cầu khẩn để xin những việc thực dụng.

Tương tự, giáo sĩ cũng phản biện lại hệ thống thần mà thầy pháp sư nhắc tới, cho rằng, đó toàn là những người có thật, mà dầu có là thánh thần thì cũng không nên coi trọng sự cúng tiến của người thế gian; ông cũng cho rằng sự thưởng phạt mà thầy hòa thượng bên Phật giáo nói đến là khó chấp nhận. Cuối cùng, giáo sĩ cho biết: Công giáo có thập giới, được tóm lại trong hai từ là *kính mến Thiên Chúa* hết lòng hết sức, tiếp đó, thương yêu người ta như bản thân mình. Kẻ thuận thì được thưởng lên thiên đường hưởng phúc, kẻ nghịch thì phạt sa địa ngục. Công giáo còn có thất quy, nhằm đề tha tội cho kẻ hối cải, hoặc để giúp sức cho tín đồ vững tin vào đạo. Như vậy, màn đối đáp giữa giáo sĩ phương Tây và nho sĩ lại tiếp tục diễn ra sau đó với các chủ đề xoay quanh gần như trọn vẹn những vấn đề căn bản của, giáo lý, tín lý, cơ sở lý luận, luận thuyết của Nho giáo và Công giáo.

Với chủ đề trong ngày thứ ba “nhân chi cứu cánh tử hà vãng sở?” (cuối cùng khi con người chết thì đi về đâu?), có các cách giải thích của các tôn giáo và lời phản biện của giáo sĩ như sau:

Với nho sĩ, khi người chết đi thì tiêu mất như gỗ đá, thần thì bay như mây gió; cũng có quan niệm xương thịt quy về đất, máu quy về nước, hồn khí quy về trời. Giáo sĩ phản biện lại rằng, như thế thì sau khi chết mọi sự tan đi hết, chẳng còn tội chẳng còn phúc, chẳng có thưởng, chẳng có phạt. Sau khi chết thì con người ta cũng giống như muông chim cây cỏ chết, vậy thì người nỗ lực tu mình với kẻ ngỗ nghịch có gì khác nhau?.

Thầy pháp sư cho rằng, với người tu đắc bất sinh bất tử thì bạch nhật đăng không nhi khứ (cuối mây mà bay đi mất) vì đã có bài tiên

được. Còn người thường thì mệnh dứt thì thôi. Giáo sĩ lại phản biện rằng, tất cả những bậc tu tiên được kể trong sách vở đều đã chết hết, chẳng có bài thuốc tiên nào chữa cho họ sống mãi được?.

Thầy hòa thượng cho biết, con người ta có ba giống hồn, khi chết, thần bì tan đi hết, thần xác theo xác, còn lại thần hồn nếu may mắn được thầy niệm kinh cho mới được rước vào cửa nhà Phật mà hưởng phúc, còn không thì phải sa địa ngục. Giáo sĩ nghe xong, đặt vấn đề: vậy thì hồn của kẻ ngỗ ngược may mắn mà được nghe kinh thì thăng thiên, còn người hiền đức mà không may thì phải sa địa ngục sao?

Cuối cùng, trước lời đề nghị của nho sĩ, giáo sĩ đã giảng giải về *thuyết cánh chung* của Công giáo được hép trong *Hội đồng tứ giáo* như sau: Trong đạo chúng tôi dạy có bốn sự cả thê sau hết gọi là “Tứ chung”: *Một là sự chết, hai là sự phán xét, ba là sự địa ngục, bốn là sự thiên đàng*. Vậy trước hết: *sự chết* vì bởi tội cho nên *Thiên Chúa đã phán đoán cho loài người ta đều phải chết, dầu ai ai đáng nào, bậc nào khôn khéo cách nào, mặc lòng thì cũng phải chết hết, chẳng sai trốn khỏi sự chết sót*. Hai là *sự phán xét*: Là hễ người nào vừa hết hơi đoạn, dù xác còn nằm trên giường, mặc lòng tức thì thánh thiên thần bản mệnh đem linh hồn người ấy đến trước tòa Thiên Chúa rất uy nghi công thẳng mà chịu Người phán xét về sự đã kín nhiệm trong lòng, các lời đã nói, các việc đã làm dù lành, dù dữ, từ có tuổi không cho đến giờ ấy, bao nhiêu tội cùng bao nhiêu phúc san sát đều bày ra cả chẳng sót một sự chi sót, cũng chẳng chữa mình mà đổ cho ai được nữa. Ba là *sự địa ngục*, vì thuở tạo thiên lập địa Thiên Chúa đã dựng nên một ngục, là nơi rất sâu hiểm, song phân làm bốn tầng là nhất viết linh bạc, nhị viết hài sở, tam viết luyện ngục, tứ viết vĩnh khổ. Tầng thứ nhất, ở ngoài và trên hết là ngục linh hồn thánh Tổ Tông xưa, khi sinh thì đoạn (khi đã chết) còn phải ở đây đợi trông Chúa Cứu Thế. Tầng thứ hai, là ngục các linh hồn trẻ mới sinh ra mà chết khi chưa được chịu phép Thánh tẩy. Tầng thứ ba, là ngục giam các linh hồn kẻ có đạo song còn mắc tội mọn và còn mắc nợ chưa đền cho đủ thì phải chịu lửa nung đốt, luyện lọc cho đến khi sạch hết tội hết nợ thì mới được ra khỏi mà lên thiên đàng. Tầng thứ tư, là ngục rất sâu giam cầm các ma quỷ và các kẻ theo ý nó thờ phượng, cùng các kẻ vong ân bội nghĩa, chẳng thờ phượng Thiên Chúa, chẳng giữ luật giới Người phán dạy. Ngục này đầy những lửa sinh lửa diêm cùng muôn vàn sự khốn khó khác hợp làm một mà những kẻ đã phải giam cầm trong ấy thì phải thiêu đốt vô cùng vô tận cùng chẳng bao giờ chết được cho khỏi sự cực khốn ấy đâu. Bốn là thiên đàng, là chốn rất

sang, rất trọng rất thanh nhàn, rất vui vẻ, gồm no mọi sự phúc đức, Thiên Chúa đã dựng nên để mà thưởng các Thánh Thiên Thần cùng các Thánh nam nữ, là những kẻ khi còn sống ở đời này đã thờ phượng Thiên Chúa, giữ luật giới Người cho trọn thì khi chết đoạn, linh hồn lên trên ấy, châu chực Thiên Chúa, hưởng phúc vô cùng ấy là sự Tứ chung thì làm vậy.

Nhìn chung, các nội dung mà đại diện Công giáo nêu ra, dù về tam giáo, hay về chính đạo của mình có thể nhận được những câu hỏi của đại diện tam giáo, nhưng không có phản biện. Cuộc đối thoại tôn giáo được thể hiện ở việc tranh luận về các niềm tin và thờ phượng của bên Công giáo. Ở đây các giáo sĩ phải giải trình niềm tin của mình, trả lời những thắc mắc và nghi vấn của nho sĩ, mà “thực chất chính là cuộc chất vấn qua lại giữa người Công giáo với đại diện các tôn giáo truyền thống ở Việt Nam. Các câu hỏi trong ngày thứ hai phản ánh một phần những quan tâm và thắc mắc của người ngoài Công giáo với tôn giáo này” [Trần Quốc Anh, 2020: 81-82]. Nhìn chung, các câu hỏi và chủ đề được đưa ra để tranh biện được phía Công giáo chọn, và cũng phản ánh sự quan tâm của người Công giáo về nguồn gốc loài người, về các sống đạo và về sự thưởng phạt đời sau. Đây cũng là chủ đề mà cả bốn tôn giáo đều quan tâm.

Về mặt bản chất, có người còn coi *Hội đồng tứ giáo* là “tác phẩm hộ giáo Công giáo phổ thông nhất của thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX tại Việt Nam” [Trần Quốc Anh, 2020: 81]. Cuốn sách không những chỉ ra những hạn chế của các tôn giáo truyền thống ở Việt Nam, mà còn muốn độc giả nghiêm túc xem xét những giá trị mà Công giáo đem lại, ít ra là phản biện lại những chỉ trích nhắm vào niềm tin của các giáo hữu [Trần Quốc Anh, 2020: 81]. Đánh giá từ cách lập luận và chủ đề được quan tâm trong các cuộc tranh luận, *Hội đồng tứ giáo* có lẽ là một câu chuyện phóng tác từ một sự kiện đã xảy ra cả trăm năm trước đó, như cuộc tranh luận của thừa sai Girolamo Majorica và các hòa thượng dưới thời Trịnh Tráng, khi nhà chúa còn cởi mở với các giáo sĩ Tây phương, chưa có thái độ kỳ thị và bắt bớ như thời chúa Trịnh Sâm sau này.

Xét theo chiều kích lịch sử, có thể đoán định rằng sự ra đời của *Hội đồng tứ giáo* là một phản ứng của Công giáo khi nảy sinh làn sóng bài xích từ các nho sĩ. Đó là một cuộc *đối thoại* mang tính cách huấn giáo cho những người mới theo đạo để giúp họ bảo vệ niềm tin và thực hành Kitô giáo. Minh chứng cho điều này là nhiều lần sách được phát hành, với nhiều ngôn ngữ, và thời gian các bản phát hành kéo dài từ

năm 1864 đến năm 1953. Đây là cách để “tác phẩm củng cố sự tin tưởng của các giáo hữu rằng tôn giáo của họ, mặc dù còn khá mới, nhưng cũng tương đương, nếu không muốn nói là tốt hơn, so với các tôn giáo truyền thống được du nhập từ Trung Hoa” [Trần Quốc Anh, 2020: 82]. Có thể coi quá trình đối thoại này là đối thoại hướng nội, hướng đến việc giữ đạo phía Công giáo, thể hiện sự quan tâm của linh mục đối với các tín đồ của mình.

Chủ đề của cuộc đối thoại tôn giáo trong *Hội đồng tứ giáo* xoay quanh một chu trình hay một cuộc hành trình tâm linh của một vòng đời người, từ khi sinh ra, lớn lên, kết giao xã hội, trải nghiệm cuộc sống với những thiện ác, để rồi mọi người đều phải sang một thế giới khác, hoặc một dạng tồn tại vật chất khác. Các tôn giáo trong cuộc đối thoại đó trình bày cách giải thích của mình về các tín điều, các quy định về các giai đoạn của chu trình đó. Tuy nhiên, có thể thấy, cuộc đối thoại này vẫn mang *tính một chiều*, các tôn giáo trả lời vẫn bị đại diện Công giáo phản biện, sau đó, đại diện Công giáo đưa ra những cách giải thích của tôn giáo mình về vấn đề được bàn mà không vấp phải sự phản biện nào từ phía đối phương. Những tín lý cơ bản của thần học Công giáo được đại diện Công giáo trình bày một cách khá chi tiết, với dung lượng dài hơn hẳn những tín điều mà đại diện các tôn giáo khác trình bày. Điều đó cho thấy, một mặt, có thể hiểu là những lý lẽ đại diện Công giáo đưa ra đủ thuyết phục, mặt khác, người tạo ra tác phẩm có lập trường đứng hẳn về phía Công giáo.

Như vậy, đối thoại tôn giáo trong *Hội đồng tứ giáo* cũng có hai chiều kích: hướng ngoại, thể hiện bằng việc trả lời các chất vấn của các tôn giáo khác; và hướng nội, mang tính biểu tượng hơn (vì đối tượng đối thoại ở đây bị ẩn đi sau mục đích hướng tới thực sự của cuốn sách “lưu hành nội bộ”) là những người Công giáo trong cơn bách hại. Chúng tôi tạm đặt tên cho kiểu đối thoại của *Hội đồng tứ giáo* là “đối thoại huấn giáo”, hay đối thoại *hộ giáo, minh giáo* với các đối tượng khác nhằm hướng đến nội dung làm nổi bật các điểm hay của bản thân tôn giáo mình. Ở đó, các tác giả lấy Công giáo làm trung tâm trong cuộc đối thoại này. Đó là hình thức đối thoại phổ biến của Công giáo trước Công đồng Vatican II.

Ta cũng có thể khái quát một vài ý chính rằng: *Hội đồng tứ giáo* hướng nhiều hơn mối quan tâm của mình đến các vấn đề triết học, thần học, hướng đến chứng minh sự tốt đẹp của Công giáo, và tìm cách chứng minh những điểm khác biệt được coi là “mê tín, dị đoan” của các tôn giáo khác trong cuộc hội đồng dưới sự chứng kiến của đại

diện cấp cao của nhà nước quân chủ Việt Nam đương thời. Tác phẩm này đại diện cho khuynh hướng thần học hộ giáo (cũ) của Công giáo, với những hình hài và cách thức thể hiện mới mẻ trong môi trường Việt Nam, nhưng cũng có thể đem áp dụng tại một số nước đồng văn, đồng chủng khác của Việt Nam ở Đông Á.

Nhìn chung, tác giả sách *Hội đồng tứ giáo* hướng nhiều hơn mối quan tâm của đến các vấn đề triết học, thần học, hướng đến chứng minh sự tốt đẹp của đạo Kitô, và tìm cách chứng minh sự khác biệt được cho là “mê tín” của các tôn giáo trong cuộc hội đồng dưới sự chứng kiến của đại diện cấp cao của nhà nước đương thời.

Thay lời kết

Đối thoại tôn giáo một cách chính thức chủ yếu bắt đầu được bàn tới từ đầu thế kỷ XX, và chính thức được giáo hội đưa vào các văn kiện của mình trong Công đồng Vatican II. Trước đó vẫn tồn tại những dạng đối thoại nhằm chứng minh, tranh luận và bảo vệ các chân lý tôn giáo trong dân gian. Chúng tôi cho rằng *Hội đồng tứ giáo* là cuốn sách thể hiện cho xu hướng này tại Việt Nam.

Hội đồng tứ giáo được viết ra nhằm nêu bật giá trị của Công giáo vượt trên các tôn giáo tín ngưỡng phổ biến của Việt Nam đương thời (Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo). Cách dẫn dắt câu chuyện, biện luận tôn giáo trong cuốn sách này cũng cho người đọc cảm giác về một tác phẩm được phóng tác hơn là một sự tổng kết từ một sự kiện có thật.

Tác giả sách *Hội đồng tứ giáo* hướng nhiều hơn mối quan tâm đến các vấn đề triết học, thần học, hướng đến chứng minh sự tốt đẹp của đạo Kitô, và tìm cách chứng minh sự khác biệt được cho là “mê tín” của các tôn giáo trong cuộc hội đồng dưới sự chứng kiến của đại diện cấp cao của nhà nước quân chủ Việt Nam đương thời. Trên thực tế, chưa thể coi đây là đối thoại tôn giáo theo cách hiểu chính thống hiện đại của Giáo hội Công giáo Rôma, nhưng nếu đặt tác phẩm vào bối cảnh lịch sử và xem xét nó ở các chiều kích, mục đích và đối tượng hướng tới, có thể coi cuộc đối thoại chính của *Hội đồng tứ giáo* là *đối thoại huấn giáo* (nếu xét mục đích hướng tới của sách nhằm hướng tới tín đồ Công giáo-chiều kích ản); hoặc *đối thoại hộ giáo, minh giáo* (nếu xét mục đích hướng tới của sách nhằm hướng tới những nhân vật tham gia vào cuộc đối thoại).

Xét theo chiều kích lịch sử và xét trong bối cảnh hiện đại, cuốn sách trên mang đến những cái nhìn khác nhau về Công giáo tại Việt Nam. Nhưng từ bản chất sâu xa chúng vẫn phản ánh sự đối kháng của

hai hệ tư tưởng Đông - Tây qua tôn giáo tại Việt Nam trong lịch sử. Điều này rất có thể vẫn được tiếp diễn trong hiện tại và tương lai, tạo đà cho những bước phát triển của lịch sử tư tưởng Việt Nam ở khía cạnh tôn giáo./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Ad extra và ad intra là hai thuật ngữ Latinh thường được sử dụng trong thần học và triết học để mô tả các hành động hoặc hoạt động của một thực thể. Ad intra: Đề cập đến các hoạt động nội tại, tức là những hành động xảy ra bên trong bản thân của thực thể mà không có sự biểu hiện ra bên ngoài. Ví dụ, trong thần học Kitô giáo, các hoạt động ad intra của Thiên Chúa có thể bao gồm các mối quan hệ nội tại giữa các ngôi vị trong Ba Ngôi Thiên Chúa (Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần). Ad extra: Đề cập đến các hoạt động ngoại tại, tức là những hành động của thực thể hướng ra bên ngoài và có sự biểu hiện ra bên ngoài. Trong thần học Kitô giáo, các hoạt động ad extra của Thiên Chúa có thể bao gồm việc tạo dựng thế giới và sự cứu rỗi nhân loại.
- 2 Do Giáo hoàng Phaolô VI ban hành vào ngày 6/8/1964 (có nghĩa là “Hội Thánh của Người”). Thông điệp này nhấn mạnh sự tự nhận thức, đổi mới và phát triển đối thoại của Giáo hội Công giáo với thế giới đương đại. Với văn kiện này, từ “đối thoại” được Giáo hội chính thức sử dụng (văn bản Latinh dùng từ “*colloquium*” thay vì “*dialogus*”).
- 3 Được ban hành vào ngày 07/12/1965. Tài liệu này có tên đầy đủ là *Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay*. Đây là một tài liệu quan trọng trong việc định hình mối quan hệ của Giáo hội với xã hội hiện đại, mở ra con đường đối thoại và hợp tác trong việc giải quyết những vấn đề toàn cầu.
- 4 Được ban hành vào ngày 28/10/1965 trong Công đồng Vatican II bởi Giáo hoàng Phaolô VI. Đây là một trong những tài liệu ngắn nhưng có sức ảnh hưởng rất lớn trong lịch sử của Giáo hội Công giáo, thể hiện sự mở cửa và tôn trọng đối với các tôn giáo khác ngoài Kitô giáo.
- 5 Được ban hành vào ngày 07/12/1965. Đây là một trong những văn kiện quan trọng và gây tranh cãi của Công đồng, vì nó khẳng định và bảo vệ quyền tự do tôn giáo của mọi người, không phân biệt tín ngưỡng.
- 6 Được ban hành vào ngày 18/11/1965 trong Công đồng Vatican II. Đây là một trong những văn kiện nền tảng của Công đồng Vatican II, nhằm làm rõ giáo lý của Giáo hội Công giáo về mạc khải thiêng liêng, Kinh Thánh và Truyền thống.
- 7 Được Giáo Hoàng Phaolô VI ban hành vào ngày 08/12/1975. Văn kiện này tập trung vào việc truyền bá Phúc Âm trong thế giới hiện đại, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc rao giảng Tin Mừng không chỉ trong cộng đồng Kitô.
- 8 Theo đó, có ít nhất chín ấn bản Nôm của *Hội đồng tứ giáo* được lưu giữ ở thư viện Hội Thừa sai Paris, dưới các tình trạng: Không rõ nơi xuất bản: 1864, 1867, 1869; xuất bản tại Phát Diệm: 1867, 1869, 1909; xuất bản tại Hongkong: 1897, 1903, 1905. Bản Quốc ngữ đầu tiên được in ở Tân Định (1865) và in đến lần thứ 14 ở nhiều nhà in khác nhau khắp trong Nam ngoài Bắc cho đến năm 1953, chưa kể một bản dịch tiếng Tây Ban Nha.
- 9 Trong đó, bản Hán văn có thể tham khảo được tại Thư viện Quốc gia tại Hà Nội ghi người cho san thuật truyền tử (biên soạn và in) sách là giám mục Nhược Sát Chiêu, căn cứ vào danh sách các giám mục Công giáo ở Việt Nam thì đó có lẽ là

giám mục Joseph Simon Theurel (tên tiếng Việt là Chiêu, thời gian giữ chức giám mục từ 1859-1868).

- 10 Chủ giáo Nhược Sắt Chiêu san định và cho khắc bản.
- 11 Ở đây tác giả đã dùng lý luận của các sách *Phép giảng tám ngày* và *Tam giáo chư vọng* để phản bác quan niệm vũ trụ sinh ra từ thái cực, lý, khí của Nho sĩ và đại đạo, hư vô của Đạo sĩ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Quốc Anh (2020), “Tư phép Giảng Tám ngày đến Hội đồng Tứ giáo (Các tác phẩm hộ giáo trong văn chương Công giáo Việt Nam thế kỷ XVII-XIX)”, *Nghiên cứu Văn học*, Số 7 (581).
2. Thiện Cẩm (2001), “Hội nghị về đối thoại tôn giáo”, *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 4 (76).
3. Thiện Cẩm (2009), “Đối thoại và Hoà giải”, *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 07 (175).
4. Bùi Văn Đọc (2009), “Đối thoại giữa các tôn giáo”, *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 08 (176).
5. Ngô Quốc Đông (2013), “Đối thoại liên tôn giáo từ Công đồng Vatican II”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11 (125).
6. Nhóm Nguyễn Hưng (1996), *Hội đồng tứ giáo: Bản Quốc ngữ, bản Nôm, bản Hán*, Lưu hành nội bộ, Tp.Hồ Chí Minh.
7. Võ Phương Lan (2003), “Về cuốn sách chữ Nôm Hội Đồng Tứ Giáo”, *Thông báo Hán Nôm học* năm 2002, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, tr 282-288.
8. Sách *Hội đồng Tứ giáo* 會同四教, Bản chữ Nôm, Nhà in Tân Định, 1904.
9. Hoàng Sơn (1972), *Vấn đề đối thoại tôn giáo*, Tủ sách Ra khơi.
10. Hoàng Sơn (2003), “Hội nhập văn hóa - đối thoại tôn giáo: Hai đặc tính cần gìn giữ cho gia đình Việt Nam”, *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 6 (102).
11. Hoàng Sơn (2006), “Đối thoại với các tôn giáo phương Đông”, *Công giáo & Dân tộc*, số 01 (133) và 03 (135).
12. Tissa Balasuriya (2001), “Hai khuynh hướng của Giáo triều Roma trong vấn đề đối thoại liên tôn”, *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 4 (76).
13. Chu Thiên (1968), 'Tây Dương Gia Tô bí lục', một tài liệu lịch sử quý giá, nêu cao tinh thần yêu nước chống xâm lược, *Nghiên cứu Lịch sử*, Số 02 (107).
14. Phạm Huy Thông (2009), “Con đường đối thoại của Vatican qua 4 năm dưới triều Giáo hoàng Benedicto XVI”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 07- 08 (73-74).
15. Đào Đình Thường (2016), “Một số vấn đề về đối thoại liên tôn giáo”, *Thông tin Khoa học xã hội*, Số 4.
16. Ủy ban Giáo lý đức tin-Hội đồng Giám mục Việt Nam (2012), *Công đồng Vatican II*, Nxb Tôn giáo.
17. Ủy ban Quốc tế Thần học; Nguyễn Đăng Trúc dịch (2003), *Kitô giáo và các tôn giáo*, Định Hướng Tùng Thư.
18. Ủy ban Giáo lý Đức tin-Hội đồng Giám mục Việt Nam (2019), *Đối thoại*, Nxb Tôn giáo.
19. Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Kỷ yếu trao đổi khoa học: Tư liệu Hán Nôm viết về Công giáo Việt Nam*.

20. Yuqing Du (2022), “Hội Đồng Tứ Giáo and Interfaith Dialogues in Eighteenth-Century Vietnam”, *Journal of Vietnamese Studies* (2022) 17 (2-3): 38–63.

Abstract

PERSPECTIVES ON RELIGIOUS DIALOGUE THROUGH WORKS: HOI DONG TU GIAO

Nguyen The Nam

Institute for Religious Studies, Vietnam Academy of Social Sciences

In the spirit of the Second Vatican Council’s innovation, the Catholic circle in Vietnam has mentioned the issue of dialogue and reconciliation since 1965, with the mindset of respecting other beliefs and accompanying the nation. However, in terms of historical perspective, there have been times that Roman Catholicism in general, and Vietnamese Catholicism in particular moved toward religious “dialogue” in the spirit of apologetics. On the contrary, Catholicism has also received the social offensive of Vietnam. The *Hoi Dong Tu Giao* book represent almost opposing trends. The *Hoi Dong Tu Giao* book represent almost opposing trends. This works represent the beginning of the historical phenomenon of religious debate and dialogue in Vietnam, not following the current standards and popular understanding of the Catholic Church.

Keywords: Religious dialogue, Catholic dialogue, Hoi Dong Tu Giao.